

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/DS-ST.

Ngày 30 - 5 -2019

V/v “Tranh chấp Đòi lại tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Công Thuận.

2. Bà Phan Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2018/TLST- DS, ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST- DS ngày 08 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Trương Văn Tr, sinh năm: 1970. Cư trú tại: ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

* Bị đơn: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1958. Cư trú tại: ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 12 năm 2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn anh Trương Văn Tr trình bày:

Vào năm 2018 anh Tr có hợp đồng thuê bà H đồn mía, khi hợp đồng thì bà H có đến mượn (ứng tiền) của ông Tr. Sau khi đồn mía thì trừ lại tiền công bà H đã đồn thì đối trừ ra số tiền đã ứng trước của anh Tr. Trên thực tế thì bà H mượn tiền của anh Tr rất là nhiều lần, sau đó thì bà H có đồn mía cho anh Tr và đối trừ lại số tiền đã ứng trước của anh Tr. Sau khi đối trừ thì bà H còn nợ lại

anh Tr số tiền là 3.623.000 đồng, nhưng bà H không tiếp tục đốn mía cho anh Tr để đổi trừ số tiền 3.623.000 đồng. Anh Tr có yêu cầu bà H tiếp tục đốn mía cho anh Tr để trừ số tiền còn nợ anh Tr, nhưng bà H không đồng ý tiếp tục đốn mía cho anh Tr để đổi trừ số tiền trên.

Vào tháng 04/2018 anh Tr có nhờ bà H gửi mía cho ông H bán dùm cho anh Tr với số mía là 5.217kg, sau khi trừ đi tiền dây cáp và tạp chất thì còn lại là 5.060kg, mỗi kg giá 927 đồng với tổng số tiền bán được là 4.690.620 đồng, trừ tiền ghe chở mía 600.000 đồng thì còn lại là số tiền là 4.090.620 đồng, trừ đi tiền công đốn mía cho bà H là 1.132.000 đồng còn lại là 2.958.620 đồng, khi ông H giao tiền cho bà H mang về giao lại cho anh Tr, nhưng bà H không giao tiền lại cho anh Tr, anh Tr có yêu cầu bà H trả tiền nhiều lần nhưng bà H không đồng ý trả tiền cho anh Tr.

Theo đơn khởi kiện thì anh Tr yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H phải hoàn trả lại cho anh Tr tổng số tiền là 7.312.000 đồng (*Bảy triệu ba trăm mười hai ngàn đồng*). Tại phiên tòa, anh Tr xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị H phải hoàn trả cho anh Tr tổng số tiền là 6.581.620 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/01/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày: Vào năm 2018 bà H có hợp đồng đốn mía thuê cho anh Tr, theo hợp đồng là anh Tr cho bà H mượn trước 01 khoản tiền, sau đó bà H sẽ đốn mía cho anh Tr trừ vào số tiền đã ứng trước, bà H có mượn tiền của anh Tr rất nhiều lần, sau đó thì bà H có đốn mía cho anh Tr và đổi trừ lại số tiền bà H đã mượn trước đó, sau khi đổi trừ thì bà còn nợ lại anh Tr số tiền là 3.623.000 đồng, nhưng bà H không tiếp tục đốn mía cho anh Tr để đổi trừ số tiền 3.623.000 đồng còn lại.

Vào tháng 04/2018 anh Tr có gửi mía cho bà H mang lên nhà máy đường giao cho ông H bán dùm cho anh Tr với số mía là 5.217kg, sau khi trừ đi tiền dây cáp và tạp chất thì còn lại là 5.060kg, mỗi kg giá 927 đồng với tổng số tiền bán được là 4.690.620 đồng, trừ tiền ghe chở mía 600.000 đồng thì còn lại là số tiền là 4.090.620 đồng, trừ đi tiền công đốn mía cho bà H là 1.132.000 đồng còn lại là 2.958.620 đồng, ông H giao tiền cho bà H mang về giao lại cho anh Tr, nhưng bà H không giao lại cho anh Tr. Lý do là giữa bà H và anh Tr có hợp đồng mua bán mía với nhau, sau khi hợp đồng thì bà và anh Tr mua được hai đám mía và sau khi bán mía thì có lãi được số tiền là 10.146.000 đồng, chia ra thì mỗi người được số tiền là 5.073.000 đồng, nhưng anh Tr không chia số tiền lãi cho bà H. Bà H thừa nhận là hiện nay bà còn nợ anh Tr tổng số tiền là 6.581.620 đồng. Bà H thống nhất hoàn trả cho anh Tr tổng số tiền là 6.581.620 đồng, nhưng bà yêu cầu anh Tr phải đổi trừ cho bà H số tiền lãi trong hợp đồng hùn mua bán mía là 5.073.000 đồng, còn lại số tiền là 1.508.620 đồng bà sẽ trả đủ 01 lần cho anh Tr.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

1. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung phát biểu ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định

tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Giữa anh Tr và bà H có hợp đồng thuê đồn mía nhiều lần, bà H có mượn trước 01 khoản tiền và hiện nay bà H còn nợ anh Tr số tiền là 3.623.000 đồng và đồng thời bà H có nhận số tiền bán mía của ông H gửi cho anh Tr là 2.958.620 đồng, tổng cộng là 6.581.620 đồng. Bà H cho rằng giữa bà và anh Tr có hợp đồng hùn mua bán mía với nhau và có lãi được số tiền là 10.146.000 đồng, chia ra thì mỗi người được số tiền là 5.073.000 đồng, nhưng anh Tr không chia số tiền lãi cho bà H, bà yêu cầu anh Tr phải đổi trừ cho bà H số tiền lãi trong hợp đồng hùn mua bán mía là 5.073.000 đồng, còn lại số tiền là 1.508.620 đồng bà sẽ trả đủ 01 lần cho anh Tr. Tại phiên tòa anh Tr cho rằng giữa anh Tr và bà H không có hợp đồng hùn mua bán mía với nhau và cũng không có thu được số tiền lãi như bà H trình bày. Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai người làm chứng là anh Lý Văn Th (Lý Th) cũng trình bày là anh Th không biết gì và cũng không có chứng kiến về việc bà H và anh Tr có hợp đồng mua bán mía với nhau, bà H cũng không đưa ra được chứng cứ nào khác để chứng minh cho lời trình bày và yêu cầu của bà H. Do đó, lời trình bày và yêu cầu của bà H không có cơ sở để xem xét. Việc anh Tr yêu cầu bà H phải hoàn trả số tiền 6.581.620 đồng là có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 166 của Bộ luật dân sự buộc bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm hoàn trả cho anh Trương Văn Tr tổng số tiền 6.581.620 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Trương Văn Tr và bị đơn Nguyễn Thị H đều thống nhất với nhau về toàn bộ nội dung vụ án là bà H có hợp đồng đồn mía thuê cho anh Tr và có mượn trước 01 khoản tiền, sau đó bà H sẽ đi đồn mía để đổi trừ số tiền đã mượn và hiện nay bà H còn nợ anh Tr số tiền là 3.623.000 đồng. Đồng thời, bà H có nhận tiền bán mía dùm từ ông H gửi về cho anh Tr sau khi trừ đi các khoản chi phí thì số tiền còn lại là 2.958.620 đồng. Hiện nay bà H còn nợ anh Tr tổng số tiền là 6.581.620 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự các tình tiết nêu trên là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 12 năm 2018 của anh Trương Văn Tr thì giữa anh Tr và bà H có hợp đồng thuê đồn mía với nhau, trong quá trình hợp đồng thì bà H có mượn trước của anh Tr 01 khoản tiền, khi nào bà H đồn mía thì sẽ đổi trừ lại số tiền bà H đã mượn trước đó, quá trình mượn và đồn mía trừ tiền công diễn ra nhiều lần. Sau đó, thì bà H và anh

Tr có kết nợ với nhau thì bà H còn nợ anh Tr số tiền là 3.623.000 đồng, nhưng bà H không tiếp tục đôn mía cho anh Tr để đổi trừ số tiền 3.623.000 đồng và cũng không hoàn trả lại cho anh Tr số tiền 3.623.000 đồng. Ngoài ra, thì anh Tr có nhờ bà H gửi mía cho ông H bán dùm cho anh Tr với tổng số tiền bán được là 4.690.620 đồng, sau khi trừ đi các chi phí (trừ tiền ghe chở mía 600.000 đồng, trừ đi tiền công đôn mía cho bà H là 1.132.000 đồng) thì còn lại số tiền là 2.958.620 đồng, khi ông H giao tiền cho bà H mang về giao lại cho anh Tr, thì bà H không giao tiền lại cho anh Tr. Do đó, anh Tr khởi kiện yêu cầu bà H hoàn trả cho anh Tr tổng số tiền là 7.312.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là Tranh chấp hợp đồng dân sự (Đòi lại tài sản) theo Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ vào khoản 2, Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Tr xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị H phải hoàn trả cho anh Tr tổng số tiền là 6.581.620 đồng. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải hoàn trả số tiền 6.581.620 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa anh Tr và bà H đều thống nhất xác định hiện nay bà H còn nợ anh Tr tổng số tiền là 6.581.620 đồng, bà H cho rằng là giữa bà và anh Tr có hợp đồng hùn mua bán mía với nhau và có thu được số tiền lãi là 10.146.000 đồng, chia ra mỗi người được số tiền là 5.073.000 đồng, nhưng anh Tr không chia tiền cho bà H, nên bà H mới không trả tiền cho anh Tr. Bà H thống nhất hoàn trả cho anh Tr tổng số tiền là 6.581.620 đồng, nhưng bà yêu cầu anh Tr phải đổi trừ cho bà H số tiền trong hợp đồng hùn mua bán mía là 5.073.000 đồng, còn lại số tiền là 1.508.620 đồng thì bà H sẽ trả đủ 01 lần cho anh Tr. Tại phiên tòa anh Tr không đồng ý đổi trừ theo yêu cầu của bà H vì anh Tr cho rằng giữa anh Tr và bà H không có hợp đồng hùn mua bán mía với nhau và cũng không có thu được số tiền lãi như bà H trình bày. Tại biên bản lấy lời khai ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thì người làm chứng là anh Lý Văn Th (Lý Th) trình bày là anh Th không biết gì và cũng không có chứng kiến về việc bà H và anh Tr có hợp đồng mua bán mía với nhau. Bà H cũng không đưa ra được chứng cứ nào khác để chứng minh cho lời trình bày của bà. Do đó, lời trình bày và yêu cầu của bà H không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Vì vậy, yêu cầu của anh Tr yêu cầu bà H phải hoàn trả cho anh Tr tổng

số tiền là 6.581.620 đồng, không yêu cầu tính lãi là hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận theo Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, cần xử buộc bà Nguyễn Thị H phải hoàn trả cho anh Trương Văn Tr tổng số tiền là 6.581.620 đồng.

Trong vụ án này bà H không có yêu cầu phản tố, việc bà H và anh Tr hợp đồng mua bán mía với nhau là 01 hợp đồng độc lập, vì vậy bà H có quyền khởi kiện anh Tr bằng 01 vụ án khác nếu có yêu cầu.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bà H phải nộp số tiền là 329.081 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Trương Văn Tr không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh Trương Văn Tr số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006009 ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

[4]. Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung là có cơ sở để Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Văn Tr.

Buộc bà Nguyễn Thị H phải hoàn trả cho anh Trương Văn Tr tổng số tiền là 6.581.620 đồng (*Sáu triệu năm trăm tám mươi một ngàn sáu trăm hai mươi đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh Trương Văn Tr có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Nguyễn Thị H không hoàn trả số tiền 6.581.620 đồng (*Sáu triệu năm trăm tám mươi một ngàn sáu trăm hai mươi đồng*) thì hàng tháng

bà H còn phải trả lãi cho anh Tr đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 329.081 đồng (*Ba trăm hai mươi chín ngàn không trăm tám mươi mốt đồng*); Anh Trương Văn Tr không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh Trương Văn Tr số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006009 ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Mỹ Xuyên